

Bản tin chứng khoán

Trong số này

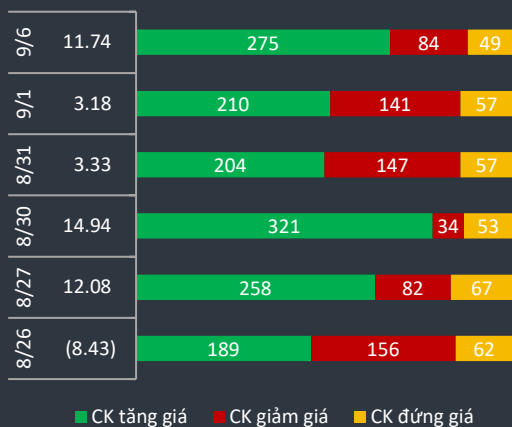
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

MBB		89.86
HSG		45.62
HPG		36.65
VCB		32.20
CTG		30.46
HDB		29.81
PLX		25.17
DPM	(18.02)	
VHC	(26.70)	
NVL	(30.97)	
SSI	(32.04)	
VIC	(37.94)	
MSN	(60.97)	
VNM	(76.76)	
VHM (380.31)		

Thị trường đầu tuần với sắc xanh lan tỏa ngay từ phiên sáng và duy trì mức xanh luôn trên 8 điểm. Hầu hết các nhóm ngành đều tăng trong đó nổi bật nhất trong ngày là nhóm ngành thép, Logistics, bất động sản KCN và cả nhóm cổ phiếu dầu khí. Nhóm cổ phiếu thép vẫn tỏ ra trội nhất trong các ngành với hàng loạt cổ phiếu tăng trên 5% như HSG, HPG, NKG, TLH, SMC, POM trong đó có khá nhiều cổ phiếu chạm mức giá trần. Nhóm ngành duy nhất suy yếu trong ngày là phân bón khi nhiều cổ phiếu bị áp lực chốt lời mạnh làm mất điểm cuối phiên như DPM, DCM, LAS, BFC.

Nhóm ngân hàng cũng có sự phục hồi nhẹ và hầu hết đều tăng điểm từ 1% - 3%. PGB, HDB tăng mạnh nhất trên 2%. TPB, MBB, STB, TCB cũng tăng trung bình 1.5%. Có 5 mã bank giảm điểm nhẹ không đến -1% là EIB, KLB, VAB, VIB, VPB, SHB. OCB trong ngày dao động quanh tham chiếu và có thời điểm xanh lên 23. Đóng cửa OCB giữ mức thanh chiếu 22.6. Thanh khoản hôm nay của OCB đạt ở mức khá trên 2 triệu cổ phiếu trong đó khối ngoại mua vào 121 ngàn CP và bán ra 413 ngàn.

Nhóm chứng khoán tăng tốt hơn cổ phiếu ngân hàng với nhiều cổ phiếu xanh hơn trong đó APS, AGR, APG, OGC còn tăng trần. Gần ½ số cổ phiếu chứng khoán trong ngày tăng hơn 4%. Tuy nhiên trong 5 mã chứng khoán giảm trong ngày lại là những mã nổi tiếng như SSI giảm mạnh nhất -2%, FTS -1.4%, VIX, SHS cũng mất điểm nhẹ 1%. Trong 8 tháng đầu năm nay, các công ty chứng khoán (CTCK) đã đưa hơn 765 triệu cổ phiếu gia nhập thị trường, tất cả đều là từ các công ty chứng khoán hiện niêm yết phát hành thêm. Đứng đầu là VND phát hành thêm 214.5 triệu CP, giá 14.5. VCI cũng phát hành thêm 167,4 triệu cổ phiếu, trong đó gồm 900.000 cổ phiếu ESOP cho người lao động và 166,5 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn theo tỷ lệ 1:1.

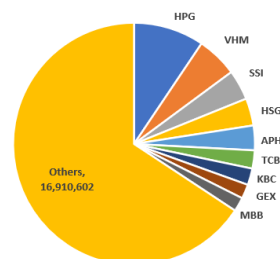
Khối ngoại trong ngày bán ròng 328 tỷ đồng trong đó VHM bán ròng đã 380 tỷ. VNM, MSN, VIC, SSI bán ròng nhiều nhất trong khi phía mua ròng chủ yếu đến nhóm ngân hàng và thép như MBB, HSG, HPG, VCB, CTG, HDB.

Vnindex 1,331.47

▲ +3.33 (+0.25%)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
BCM	46.9	2,400	5.39
BVH	57.0	2,000	3.64
GVR	38.8	1,150	3.06
PDR	87.9	2,400	2.81
DHG	111.5	2,900	2.67
GAS	89.4	1,900	2.17
SAB	150.0	2,800	1.90
MSN	135.0	2,400	1.81
REE	66.0	1,000	1.54
HPG	49.3	600	1.23
NVL	104.4	400	0.38
VRE	27.3	100	0.37
MWG	111.0	400	0.36
PLX	49.7	150	0.30
FPT	92.4	200	0.22
VCB	99.4	100	0.10
VIC	94.1	-	-
VPB	61.6	-	-
VNM	87.4	-	-
VJC	126.5	(400)	(0.32)
PNJ	86.0	(400)	(0.46)
VHM	106.4	(500)	(0.47)
ACB	32.0	(150)	(0.47)
VIB	36.3	(200)	(0.55)
POW	11.9	(100)	(0.84)
SSI	61.8	(600)	(0.96)
BID	39.0	(500)	(1.27)
TCB	48.5	(700)	(1.42)
CTG	31.8	(500)	(1.55)
TPB	34.1	(550)	(1.59)
MBB	27.9	(500)	(1.76)
HVN	21.1	(400)	(1.86)
STB	27.4	(550)	(1.97)
HDB	26.0	(750)	(2.81)

Đóng cửa chỉ số Vnindex có phần khựng lại ở cuối phiên và chỉ còn tăng 11.7 điểm nhưng thanh khoản đạt tầm cao mới trên 26,500 tỷ đồng. Sàn HOSE ghi nhận 300 mã tăng (trong đó có 55 mã tăng trần), 106 mã giảm và 42 mã đứng giá tham chiếu. Có khá nhiều cổ phiếu đáng chú ý tăng trần hôm nay như FLC, BMC, SCR, GEX, SAM. Chỉ số Vnindex vẫn duy trì động lực tăng tốt và hướng về mốc 1360 – 1370. Đây vẫn là ngưỡng kháng cự khó chịu và không dễ vượt qua của chỉ số Vnindex. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu và tận dụng các phiên tăng mạnh có thể đảo danh mục chốt lãi dần các nhóm cổ phiếu đạt mục tiêu.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
REE	66.2	6.6	50	65	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 54	7/12/2021	29.8%
GVR	39.3	10.7	28	38	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 38	7/12/2021	33.7%
HCM	55.6	6.3	44	60	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 60	7/12/2021	23.6%
VCI	61.3	4.6	47	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 55-57	7/12/2021	25.1%
SSI	60.0	(1.8)	45	70	Nắm giữ	7/12/2021	20.0%
MBB	28.3	0.7	25	35	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 28	7/12/2021	-2.4%
OCB	22.6	(0.4)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	-1.7%
HPG	51.2	7.3	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 45	7/12/2021	13.8%
STB	27.6	1.7	27	35	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 27	7/12/2021	-1.4%
KBC	41.8	12.4	32	45	Mua quanh 35-37	8/28/2021	7.2%
DGW	91.2	6.0	120	170	Nắm giữ	3/3/2021	82.4%
MWG	111.0	3.1	130	190	Nắm giữ	2/3/2021	30.6%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

LGL	6.92
DGW	6.92
HAI	6.95
OGC	6.95
VOS	6.96
SHA	6.97
CLL	6.97
TDH	6.97
SPM	6.97
TGG	6.97
TMS	6.98
VIP	6.99
HVH	6.99
HSG	6.99
SMC	7.00
TLH	7.00
KSH	14.29

Top tăng giá HNX

TKU	9.86
VNF	9.88
PTS	9.90
TDN	9.92
BII	9.94
MDC	10.00
FID	10.00
KLF	10.00
THB	10.00
VE1	10.00
TTC	10.00
TC6	10.00
VKC	10.00
KHB	13.79
QNC	14.29
DID	14.46

TNG - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG - Doanh thu lũy kế 8 tháng đầu năm 2021 đạt 3.543,6 tỷ đồng tăng 16% so với cùng kỳ tương đương với mức tăng 485 tỷ đồng.

PVT - Tổng công ty cổ phần Vận tải dầu khí - PVTrans - Doanh thu 8 tháng ước đạt 4.930 tỷ đồng, tăng 103% và lợi nhuận trước thuế hợp nhất ước đạt 602,8 tỷ đồng, tăng 119% so với cùng kỳ. Với kết quả này, PVT hoàn thành 82% kế hoạch doanh thu và vượt 24% kế hoạch lợi nhuận năm 2021.

FMC - Công ty cổ phần Thực phẩm Sao Ta - Sản lượng tiêu thụ tháng 8 là 11,1 triệu USD, bằng 44% so cùng kỳ năm 2020. Lũy kế 8 tháng là 132,9 triệu USD, tăng 10% so cùng kỳ năm 2020. Tiêu thụ nông sản có khá hơn, 8 tháng đạt 1.079 tấn, tăng 27% so cùng kỳ năm 2020.

TS4 - CTCP Thủy sản số 4 - Ngày 31/8, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) đã có quyết định hủy niêm yết bắt buộc đối với cổ phiếu từ ngày 13/9/2021. Nguyên nhân do, TS4 vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ công bố thông tin và xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư.

CTB - CTCP Chế tạo Bơm Hải Dương - Ngày 08/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 09/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 15/10/2021.

C69 - CTCP Xây dựng 1369 - Ngày 13/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng 14/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 3%, thanh toán bắt đầu từ ngày 25/9/2021.

POM - Công ty cổ phần Thép Pomina - Sau khi soát xét, doanh thu thuần của POM giảm nhẹ 4% về mức 6.213,3 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp cũng giảm 3,7% xuống còn 195,1 tỷ đồng. Đây là kết quả tích cực hơn rất nhiều so với cùng kỳ năm ngoái (cùng kỳ lỗ sau thuế 150,7 tỷ đồng).

Tuy nhiên, kiểm toán nhấn mạnh, tại ngày 30/6/2021, nợ phải trả ngắn hạn của nhóm Công ty đã vượt qua tài sản ngắn hạn với số tiền là hơn 350,4 tỷ đồng. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Pomina.

PVX - Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam – Sau soát xét, doanh thu thuần của PVX giảm nhẹ xuống 997,44 tỷ đồng. Đồng thời, so với mức lỗ gần hơn 87 tỷ đồng trong báo cáo tự lập, PVX đã giảm lỗ xuống mức 39,4 tỷ đồng, tương đương giảm 47,5 tỷ đồng. Tuy nhiên, kiểm toán từ chối đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021 của PVX do không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về một loạt vấn đề.

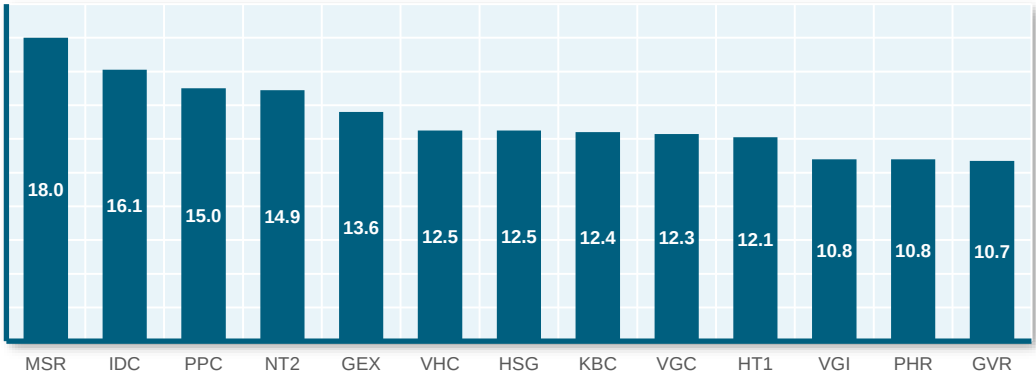


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	61.1	4,629,400	12.1	2.5	-	11,200	150,902	15.00	5,056	24,447
VIB	HOSE	35.8	1,040,400	6.3	2.6	6,300	5,700	55,603	21.00	5,638	13,552
VCB	UPCOM	100.0	905,000	18.1	3.5	641,000	318,500	370,888	23.56	5,532	28,293
VBB	HNX	16.9	72,048	20.4	1.5	500	-	8,073	-	830	11,579
VAB	HOSE	17.2	490,693	14.4	1.3	-	-	7,653	-	1,196	13,597
TPB	HOSE	34.8	4,847,800	7.6	1.8	-	-	37,294	30.00	4,565	18,925
TCB	HOSE	49.0	12,880,500	10.6	2.0	-	-	171,565	23.00	4,614	23,938
STB	UPCOM	27.6	16,262,200	14.4	1.6	523,900	640,700	51,938	16.12	1,922	16,846
SSB	HOSE	35.9	3,044,100	20.8	2.9	700	-	48,195	0.01	1,723	12,310
SHB	HOSE	26.5	21,444,525	12.1	1.9	500	329	51,027	3.96	2,183	14,014
SGB	HNX	17.2	62,615	-	1.4	200	-	5,298	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	22.3	242,604	30.2	1.6	-	-	6,690	15.00	739	13,529
OCB	HNX	22.6	2,012,600	5.9	1.3	121,700	413,300	30,959	22.00	3,799	17,827
NVB	HOSE	28.8	1,672,002	140.5	2.7	100	131,300	11,716	8.60	205	10,726
NAB	HOSE	19.9	227,600	5.9	1.2	-	-	9,083	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	28.9	4,919,000	8.8	1.6	-	-	33,958	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.3	17,330,200	7.3	1.4	3,957,200	742,900	106,927	23.33	3,897	19,986
LPB	HOSE	22.9	7,047,100	8.8	1.6	35,300	110,000	27,502	3.44	2,591	14,466
KLB	HOSE	21.8	99,844	10.7	1.5	-	-	6,974	-	2,035	14,117
HDB	HOSE	26.4	2,910,800	6.9	1.5	1,598,200	462,600	52,495	18.90	3,854	17,399
EIB	HOSE	25.0	211,400	28.6	1.8	3,100	4,900	30,674	29.73	874	14,061
CTG	HOSE	32.1	11,552,700	7.3	1.3	1,792,900	847,000	154,024	24.58	4,394	25,028
BVB	HOSE	19.3	2,266,869	16.7	1.5	29	6,144	7,085	0.05	1,157	12,737
BID	HOSE	39.1	1,364,600	15.6	1.9	47,600	401,900	157,261	16.67	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.2	67,750	23.4	1.8	-	-	15,729	-	950	12,242
ACB	HOSE	32.1	7,383,200	6.9	2.1	-	-	86,597	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	20.3	2,021,081	7.2	1.2	-	-	11,598	30.00	2,801	16,671
127,008,631				17.98	1.83	8,729,229	4,096,473	1,707,706		2,766	16,602



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

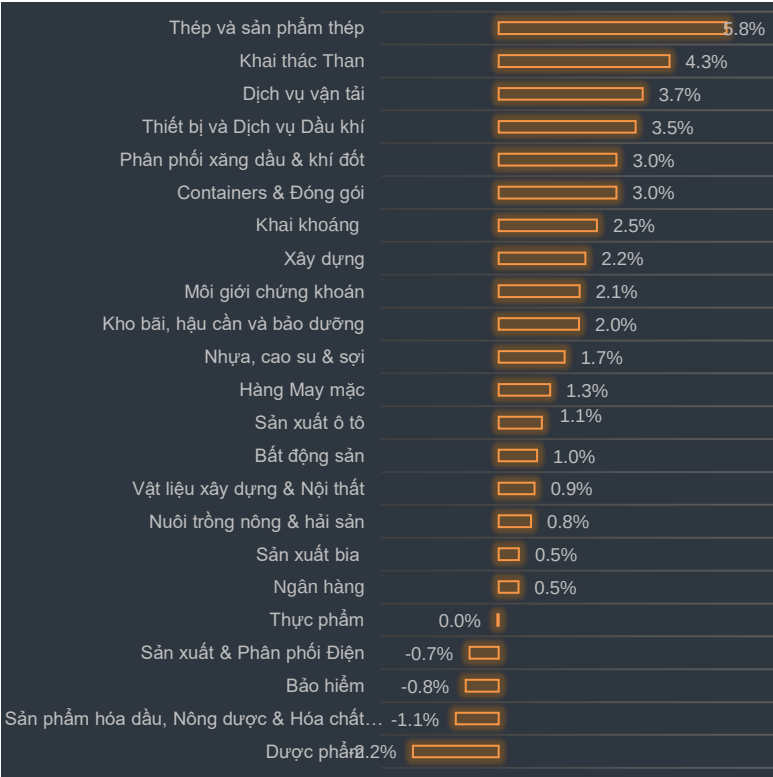
Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV
SSI	UPCOM	60,000	14,685,823	39,294,860	2,647.4	22.7	3.39	17,724
VCI	UPCOM	61,300	5,071,821	20,412,900	3,445.7	17.8	2.07	29,655
HCM	HNX	55,600	6,246,362	16,960,327	3,099.8	17.9	3.56	15,612
VND	UPCOM	50,600	-	21,708,869	6,320.1	8.0	2.42	20,939
SHS	UPCOM	39,100	7,137,979	8,104,187	5,431.3	7.2	2.18	17,951
MBS	UPCOM	36,500	3,346,085	9,767,644	1,470.3	24.8	2.78	13,147
FTS	HOSE	55,600	710,902	8,204,644	3,583.0	15.5	3.13	17,751
VIX	HNX	26,800	4,482,330	3,416,483	5,549.5	4.8	1.66	16,190
AGR	HOSE	17,900	3,459,727	3,780,479	1,000.6	17.9	1.83	9,775
BSI	UPCOM	28,400	-	3,452,607	2,231.6	12.7	2.23	12,711
ORS	HNX	27,500	1,610,408	5,500,000	1,944.6	14.1	2.60	10,574
VDS	HOSE	33,200	1,117,584	3,484,220	3,856.6	8.6	2.58	12,884
CTS	HOSE	32,000	1,887,125	3,404,788	2,676.3	12.0	2.30	13,885
TVS	HOSE	38,300	134,518	3,757,495	5,036.9	7.6	2.58	14,852
BVS	UPCOM	35,200	1,081,940	2,541,445	3,242.7	10.9	1.31	26,909
EVS	HOSE	37,000	345,929	2,331,015	3,859.6	9.6	2.61	14,167
SBS	HOSE	16,200	3,902,392	2,051,892	79.4	204.1	9.86	1,643
PHS	HOSE	16,900	1,508	2,365,992	979.4	17.3	1.50	11,291
TVB	HOSE	24,500	-	1,743,025	2,793.8	8.8	2.10	11,645
ART	HNX	9,900	4,078,954	959,533	31.6	313.2	0.86	11,459
TCI	UPCOM	20,700	337,774	1,024,650	2,671.6	7.7	1.69	12,235
IVS	UPCOM	11,400	118,161	790,590	411.7	27.7	1.16	9,862
BMS	UPCOM	22,900	275,343	1,305,300	4,097.6	5.6	1.76	12,977
APS	HOSE	17,000	2,063,473	663,000	2,387.2	7.1	1.53	11,126
PSI	UPCOM	11,600	291,886	694,159	300.3	38.6	1.10	10,519
AAS	HOSE	16,000	1,858,095	1,280,000	(398.6)		1.42	11,276
WSS	HNX	10,700	238,099	538,210	885.5		1.09	9,859



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	CRC	HOSE	27/09/2021	28/09/2021	18/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	CRC	HOSE	27/09/2021	28/09/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
3	DIH	HNX	17/09/2021	20/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SZC	HOSE	17/09/2021	20/09/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	HDW	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021	24/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 740 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	HTC	HNX	13/09/2021	14/09/2021	1/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	VIH	UPCoM	9/9/2021	10/9/2021	29/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	TBC	HOSE	9/9/2021	10/9/2021	24/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SSI	HOSE	8/9/2021	9/9/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 6:2	Thưởng cổ phiếu
10	SSI	HOSE	8/9/2021	9/9/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 6:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
11	GKM	HNX	8/9/2021	9/9/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
12	TDB	UPCoM	8/9/2021	9/9/2021	30/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	VNM	HOSE	7/9/2021	8/9/2021	30/09/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VIX	HOSE	7/9/2021	8/9/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
15	VIX	HOSE	7/9/2021	8/9/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
16	DNC	HNX	7/9/2021	8/9/2021	8/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	SRF	HOSE	6/9/2021	7/9/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	HPX	HOSE	6/9/2021	7/9/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
19	BDW	UPCoM	1/9/2021	6/9/2021	24/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	GH3	UPCoM	1/9/2021	6/9/2021	8/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	AAA	HOSE	1/9/2021	6/9/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Thưởng cổ phiếu
22	AAA	HOSE	1/9/2021	6/9/2021	28/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	PGD	HOSE	1/9/2021	6/9/2021	4/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	ACC	HOSE	1/9/2021	6/9/2021	24/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	C47	HOSE	1/9/2021	6/9/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
26	C47	HOSE	1/9/2021	6/9/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Thưởng cổ phiếu
27	GMC	HOSE	31/08/2021	1/9/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	PSN	UPCoM	31/08/2021	1/9/2021	29/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:

BII, PV2, CEO

Xây dựng:

SD9, SIC, SD5

Dầu khí:

PGS, PCG, PVC

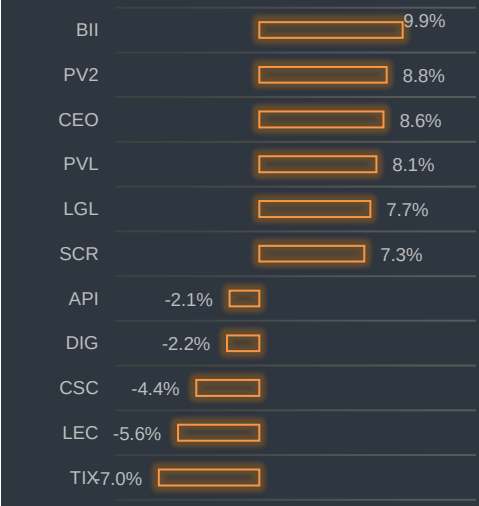
Chứng khoán:

APS, APG, AGR

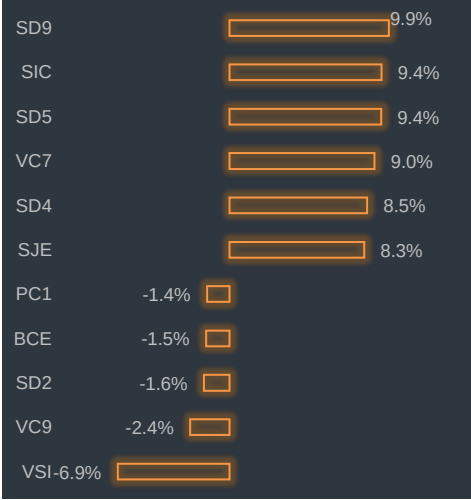
Ngân hàng:

HDB, TPB, STB

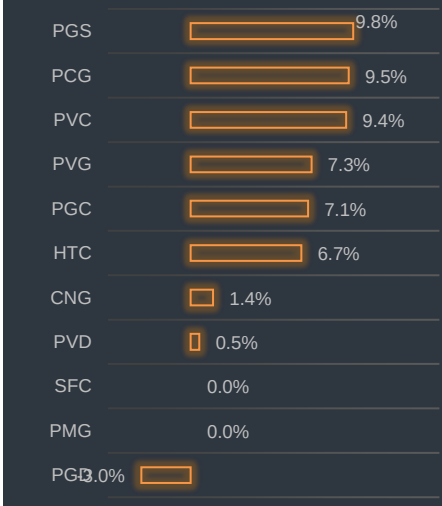
Bất động sản



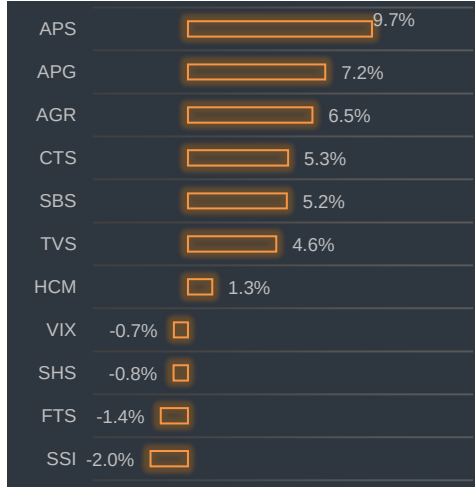
Xây dựng



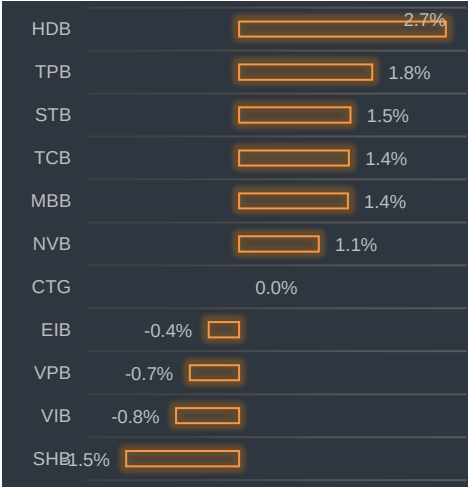
Dầu khí



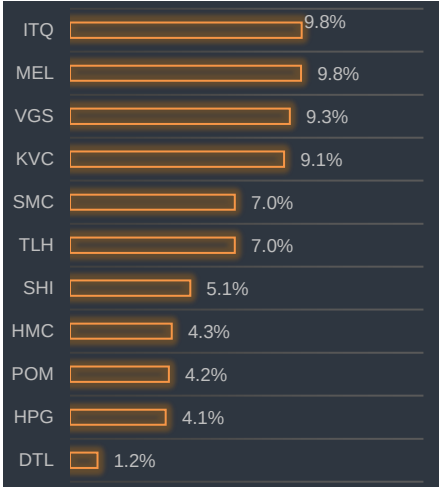
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931